TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT
Ngày 15 - 01 - 2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long
Các thẩm phán: Ông Đoàn Ngọc Thiện
Ông Trương Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 19/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019, về việc "Ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 116/2019/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐ-PT ngày 10/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐ-HPT ngày 26/12/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoa C, sinh năm 1959;
Địa chỉ: 17 đường X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Tạ Thụy H, sinh năm 1959;
Địa chỉ: 17 đường X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Trương Thị Thanh T, luật sư thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên T, đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn là bà Tạ Thụy H, sinh năm 1959 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2019, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hoa C trình bày:

Ông C và bà Tạ Thụy H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Z ngày 17 tháng 10 năm 1985. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do: Vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm; vợ luôn nghi ngờ và không có sự tin tưởng chồng. Mặc dù, đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau nhưng vẫn không thay đổi quan điểm. Ông C luôn nhẫn nhịn mọi vấn đề, còn bà H thì ngày càng lấn lướt mọi vấn đề,

không tôn trọng chồng, xâm phạm uy tín danh dự của chồng. Thể hiện qua việc bà H luôn làm đơn tố cáo, khiếu nại ở cơ quan nên đã làm ảnh hưởng tới ông C, nghiêm trọng đến mức ông C bị kỷ luật Đảng. Ngoài ra bà H còn đe dọa gây thương tích nên ông C phải đi ở nhờ nhà người khác.

Nay, ông C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không muốn tiếp tục chung sống với bà H, nên ông C làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông C được ly hôn với bà Tạ Thúy Hường.

Về con chung: Ông C và bà H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng Nguyên A, sinh ngày 30/4/1987 và cháu Nguyễn Hồng Minh A, sinh ngày 27/10/1994. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/7/2019 và các lần làm việc tại Tòa án, bị đơn bà Tạ Thụy H trình bày:

Về điều kiện đi tới hôn nhân giữa bà H và ông C thì bà H xác nhận đúng như lời ông C đã trình bày.

Trong quá trình chung vợ chồng hạnh phúc, được cơ quan đoàn thể khen thưởng, gia đình gương mẫu. Đến cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do ông C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên xảy ra cãi vã nhưng không đến mức trầm trọng. Nay ông C yêu cầu ly hôn bà H không đồng ý vì bản thân còn tình cảm với ông C. Bà H không có hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng được cơ quan đoàn thể công nhận. Vợ chồng cần chăm sóc nhau lúc tuổi già.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 116/2019/HNGĐ-ST ngày 30/9/2019 Tòa án nhân dân huyện Z đã áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 147 Bộ luật dân sự năm 2015 và tuyên xử: Ông Nguyễn Hoa C được ly hôn với bà Tạ Thụy H. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, bà Tạ Thụy H làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm hủy án sơ thẩm vì vi phạm thủ tục tố tụng là không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ và thành phần hội đồng xét xử không đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Tạ Thụy H thay đổi nội dung kháng cáo, đó là đề nghị hội đồng phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định lỗi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thuộc về ông C, không thuộc về bà H và mong muốn được đoàn tụ vợ chồng.

Ông C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H cho rằng: Lỗi dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng là thuộc về ông C, không phải do lỗi của bà H. Vì năm 2017, ông C đã quan hệ bất chính với bà Q, không chăm lo xây dựng hạnh phúc vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra, bà H cùng các con đã làm đơn tố cáo tới các cơ quan chức năng về mối quan hệ bất chính giữa ông C và bà Q cũng chỉ vì mục đích gìn giữ hạnh phúc vợ chồng. Ngoài ra, khi bỏ nhà đi, ông C đã mang hết giấy tờ liên quan đến tài sản nên đã làm mất niềm tin ở bà H và các con. Mặc dù, với mong muốn

giữ gìn hạnh phúc vợ chồng, nhưng do ông C vẫn cương quyết ly hôn, nên tại Tòa bà H cũng đành phải chấp nhận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy mâu thuẫn giữa ông C và bà H là có thật, xuất phát từ nguyên nhân do ông C quen thân với người phụ nữ khác, đã dẫn đến việc bà H cùng các con nghi ngờ và tố cáo ông C. Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, nay ông C vẫn cương quyết được ly hôn nên đề nghị Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm nhận định lỗi ly hôn do bà H là chưa chính xác; đề nghị Hội đồng xét xử nhận định lại căn cứ cho ly hôn.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không nhận đơn kháng cáo của bà Tạ Thụy H; áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Tạ Thụy H đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Tạ Thụy H thì thấy:

[2.1] Bà H kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ thì thấy Cấp sơ thẩm đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải ba lần vào các ngày 21/6/2019, 10/7/2019 và ngày 22/7/2019. Cả ba lần hòa giải bà H đều không tham gia dù đã nhận được thông báo hòa giải của Tòa. Ngoài ra, bà H kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm Hội đồng xét xử, thì thấy, Hội đồng xét xử gồm thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hai Hội thẩm nhân dân là không vi phạm quy định tại Điều 49, 53, 63 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét căn cứ cho ly hôn thì thấy:

Ông C và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Hội, huyện Z, tỉnh Đồng Nai (nay là tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu) vào ngày 17/10/1985, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C là hợp pháp.

Theo xác nhận của ông C và bà H thì mâu thuân vợ chồng xảy ra là có thật; được bà H xác nhận về nguyên nhân là do ông C ngoại tình; còn ông C thì cho rằng bà H không tôn trọng, xúc phạm đến danh dự, uy tín của ông C.

Thể hiện mâu thuẫn như sau: Từ năm 2017, vợ chồng ông C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H phát hiện ra ông C có quan hệ với người đàn bà khác tên là Q. Đỉnh điểm vào ngày 06/02/2019, bà H theo dõi và phát hiện ông C và bà Q cùng đi du lịch và ở chung trong phòng khách sạn. Sự việc xảy ra đã có sự chứng kiến từ cơ quan công an và kết luận của công an phường V, thành

phố Nha Trang xác định các tình tiết vụ việc xảy ra không đủ căn cứ có dấu hiệu vi phạm quan hệ bất chính nam nữ, vi phạm đạo đức lối sống đảng viên chỉ nhắc nhở về hành vi gây rối trật tự. Mặc dù, quan hệ giữa ông C và bà Q đã có kết luận từ cơ quan công an, nhưng cháu Nguyễn Hồng Minh A lại tiếp tục làm đơn tố cáo cha đẻ là ông C đến Đảng ủy thị trấn P (nơi ông C đang sinh hoạt) và hậu quả ông C bị kỷ luật bằng hình thức "khiển trách" trong đảng. Không dừng lại ở đó, bà H tiếp tục làm đơn tố cáo mối quan hệ giữa ông C, bà Quyên lên cơ quan công an huyện, tỉnh. Từ đó, làm cho ông C cảm thấy bị xúc phạm, bị hạ uy tín nên không còn muốn tiếp tục chung sống với bà H, thể hiện qua việc ông C đã bỏ nhà đi sống nơi khác từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Tại phiên tòa, ông C thừa nhận có quan hệ thân thiết với cô Quyên.

Như vậy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ông C, bà H là do xuất phát ban đầu từ chính bản thân ông C, sau đó là bà H; đó là ông C sống chưa gương mẫu, không chung thủy, chưa quan tâm đến vợ, tự ý bỏ nhà đi là vi phạm nghĩa vụ sống chung với nhau; còn bà H vì bảo vệ hạnh phúc vợ chồng nhưng đã có những việc làm chưa phù hợp, đó là khi đã có kết luận từ các cơ quan chức năng nhưng vẫn gửi đơn tố cáo ông C, điều này thể hiện việc bà H không bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho ông C tại địa phương.

Nay tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hòa giải để ông C, bà H đoàn tụ vợ chồng nhưng không thành, ông C vẫn giữ yêu cầu được ly hôn.

Từ đó, có cơ sở khẳng định, cuộc hôn nhân giữa ông C và bà H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có đủ căn cứ để chấp nhận cho ông C được ly hôn với bà H.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời trình bày của ông C để từ đó nhận định lỗi dẫn đến việc ông C phải làm đơn ly hôn thuộc về bà Tạ Thụy H là hoàn toàn không chính xác, không khách quan, cần phải rút kinh nghiệm chung khi xem xét, đánh giá chứng cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoa C phải nộp số tiền là: 300.000 đồng.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Đơn kháng cáo của bà Tạ Thụy H không được chấp nhận nên bà H phải chịu số tiền là: 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tạ Thụy H. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 116/2019/HNGĐ-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 24, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoa C được ly hôn với bà Tạ Thụy H.

2. Về án phí:

2.1. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoa C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số TU/2017/0008073 ngày 07/5/2019 của Chi cục thi hành án huyện Z; ông C đã nộp đủ.

2.2. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà Tạ Thụy H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số TU/2019/0001445 ngày 22/10/2019 của Chi cục thi hành án huyện Z; bà H đã nộp đủ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Z;
- TAND huyện Z;
- THA DS huyện Z;
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Xuân Long